

2. Nguyễn Văn M (Tên gọi khác: Nguyễn Như M), sinh ngày: 07/4/1989 tại huyện C, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp; Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như Y và bà Lê Thị Thanh N; tiền án: 01, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2012, bị TAND huyện C tuyên phạt 45 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 cho đến 19/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thành C (Tên gọi khác: Y), sinh ngày: 25/10/1998 tại huyện C, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Thôn N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp; Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị P; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2017 cho đến ngày 19/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Minh V, sinh ngày: 26/11/1993 tại Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn K., tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp; Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng P và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm tạm giữ, tạm giam theo Quyết định truy nã ngày 04/01/2019 cho đến nay. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T:** Bà Trương Thị P – Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

*** Người bị hại:**

1. Rơ Mah D – Sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Làng S, xã O, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Siu P – Sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Làng Hra, xã Ia Hla, huyện P, tỉnh Gia Lai.

3. Rơ Lan U – Sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Làng K, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai.

4. Rơ Mah Đ – Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Làng K, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. R – Sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Làng Đ, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

6. P – Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Làng Đ, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

7. S – Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Làng J, xã K, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

8. **K** – Sinh năm 1994;
 Nơi cư trú: Làng J, xã K, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

9. **H** – Sinh năm 1959;
 Nơi cư trú: Làng R, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

10. **Rơ Châm V** – Sinh năm 1989;
 Nơi cư trú: Làng R, xã P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

11. **Đinh M** – Sinh năm 1981;
 Nơi cư trú: Làng T, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai.

12. **Đinh Văn J** – Sinh năm 1986;
 Nơi cư trú: Làng Nghe Lớn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

13. **Đinh L** – Sinh năm 1978;
 Nơi cư trú: Làng C, xã L, huyện M, tỉnh Gia Lai.

14. **Đinh Y N** – Sinh năm 1998;
 Nơi cư trú: Làng C, xã L, huyện M, tỉnh Gia Lai.

15. **Rmah P** – Sinh năm 1997;
 Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

16. **Rơ Lan T** – Sinh năm 1992;
 Nơi cư trú: Làng O, xã A, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

17. **Ksor D** – Sinh năm 1992;
 Nơi cư trú: Làng O, xã A, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

18. **Đinh Thị A** – Sinh năm 1987;
 Nơi cư trú: Làng T1, xã CG, huyện K, tỉnh Gia Lai.

19. **Đinh N** – Sinh năm 1992;
 Nơi cư trú: Làng T1, xã CG, huyện K, tỉnh Gia Lai.

20. **Ksor N** – Sinh năm 1999;
 Nơi cư trú: Làng O, xã A, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

21. **Rơ C** – Sinh năm 1999;
 Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

22. **Rơ Lan H** – Sinh ngày 20/9/2002;
 Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

23. **Rơ Mah P** – Sinh ngày 01/01/2000;
 Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

24. **Ksor P** – Sinh năm 1997;
 Nơi cư trú: Làng O, xã A, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

25. **Rmah Sa C** – Sinh năm 1991;
 Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai.

26. **Văn Đức H** – Sinh năm 1987;
Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai.
27. **Rmah P** – Sinh năm 1975;
Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Gia Lai.
28. **Vũ Thế N** – Sinh năm 1988;
Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Gia Lai.
29. **Kpă L** – Sinh năm 1977;
Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Gia Lai.
30. **Anh Lê Văn H** – Sinh năm 1981;
Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
31. **Anh Nguyễn Ngọc P** – Sinh năm 191993;
Nơi cư trú: huyện P, tỉnh Gia Lai.
32. **Rơ Lan Q** – Sinh năm 1984;
Nơi cư trú: Làng D, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.
- * Người đại diện hợp pháp cho bị hại Rơ Lan H:**
Rơ Mah C – Sinh năm 1979;
Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1. **Kpă K** – Sinh năm 1997;
Nơi cư trú: xã O, huyện C, tỉnh Gia Lai.
2. **Huỳnh Văn Đ** – Sinh năm 1966;
Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai.
3. **Rơ Châm H** – Sinh năm 1999;
Nơi cư trú: huyện C, tỉnh Gia Lai.
4. **Rơ Mah T** – Sinh năm 1993;
Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
5. **Anh T** – Sinh năm 1989;
Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
6. **Vũ Hồng P** – Sinh năm 1988;
Nơi cư trú: tỉnh Đồng Nai.
7. Ông **Nguyễn Việt H** – Sinh năm 1977 và bà **Lương Thị T** – sinh năm 1979;
Nơi cư trú: tỉnh Gia Lai.
8. Ông **Đinh Văn M** – Sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1971;
Nơi cư trú: Thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017, Đỗ Văn T đã rủ rê, lôi kéo Nguyễn Minh V; Phạm Hoài N; Nguyễn Văn T1; Nguyễn Thành C; Nguyễn Văn M; Nguyễn M T2 và Đinh Văn H để cùng nhau trộm cắp xe máy mang về bán lấy tiền tiêu xài. T thuê nhà trọ tại P để cho các đồng phạm ở cùng. Bằng thủ đoạn thuê xe ô tô tự lái, thuê xe taxi đến các huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai và lợi dụng đêm tối, T cùng đồng phạm đột nhập vào các cơ quan Nhà nước, các hộ gia đình rồi sử dụng công cụ là kim cộng lực, vạm phá khóa để thực hiện việc trộm cắp tài sản là các xe mô tô rồi đem bán lấy tiền tiêu xài chung cho cả nhóm. Đỗ Văn T và các đồng phạm đã thực hiện 18 vụ trộm cắp tài sản chiếm đoạt 31 xe máy các loại với tổng giá trị là 534.767.177 đồng. Các lần trộm cắp do Đỗ Văn T và đồng phạm thực hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23h ngày 09/4/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Minh V và Phạm Hoài N đi taxi xuống xã H - huyện P để trộm cắp tài sản. Cả 3 đi bộ vào thôn H dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81S1-069.85 của anh Siu P để bên hông nhà và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81P1-131.14 của anh Rơ Mah D (cho anh Kpă K mượn) dựng gần nhà anh Siu P rồi đưa về P. Ngày hôm sau, Nguyễn Minh V mang hai xe trên bán cho người tên H không rõ nhân thân tại khu vực chợ M - xã D - huyện Đ được 5.500.000 đồng và đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản (HĐĐGTS) trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81B1- 131.14 trị giá 10.725.000 đồng; xe mô tô biển số 81S1-069.85 trị giá 10.725.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22h ngày 20/4/2017, Đỗ Văn T sử dụng xe mô tô của người bạn tên H (T không rõ họ địa chỉ và không nhớ biển số xe) chở Nguyễn Văn T1 và Phạm Hoài N đến làng K - xã Ia O - huyện C trộm cắp tài sản. T đi bộ vào trong làng và dùng vạm phá khóa lấy trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81P4-9955 của anh Rơ Lan U để bên hông nhà và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 70B 1-288.02 của anh Rơ Mah Đ để ở sân nhà. Sau đó mỗi người chạy 01 xe về P. Ngày 22/4/2017, Nguyễn Văn T1 và Phạm Hoài N đem 02 xe mô tô trộm cắp được xuống huyện K để tiêu thụ. T và N bán xe mô tô biển số 81P4-9955 cho anh Huỳnh Văn Đ được 8.000.000 đồng và tiếp tục tìm chỗ tiêu thụ chiếc xe còn lại thì bị quần chúng nhân dân phát hiện truy đuổi, nên T và N để xe lại và bỏ trốn, số tiền bán xe, N và T trả tiền đón

taxi về P hết 1.000.000 đồng, số còn lại cả hai đưa cho Đỗ Văn T dùng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Đối với anh Đ, sau khi mua xe, anh Đ nghi ngờ là xe trộm cắp nên đến Công an huyện K hỏi và biết là xe do Đỗ Văn T trộm cắp nên đã giao nộp lại Công an huyện K. Hiện 02 xe mô tô nói trên Cơ quan điều tra Công an huyện C đã trả lại cho các bị hại.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81P4-9955 trị giá 10.000.000 đồng, xe mô tô biển số 70B 1-288.02 trị giá 12.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 22h 30 ngày 15/6/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Minh V, Phạm Hoài N đi taxi đến xã G - huyện Đ trộm cắp tài sản. Đỗ Văn T đi bộ vào khu vực Nhà thờ P thuộc làng Đ - xã G dùng kim công lực và vạm cắt xích khóa bánh xe và phá khóa xe rồi trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81C1 -120.57 của anh R và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81C1 -038.44 của anh P đang để trong nhà thờ. Cả 3 đem 02 xe này về P. Sáng hôm sau N và V đem 02 xe trộm cắp trên lên Kon Tum bán được 6.000.000 đồng đem về đưa Đỗ Văn T để sử dụng tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81C1-120.57 trị giá 14.100.000 đồng; xe mô tô biển số 81C1-04833 trị giá 10.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 01/8/2017, Đỗ Văn T nói Nguyễn Minh V lên huyện G tìm xe máy để trộm cắp. V sử dụng xe máy do T mượn của bạn chớ Nguyễn Thành C đến xã la R. Khi đến làng M, V đã điện thoại cho Đỗ Văn T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đỗ Văn T và Nguyễn Văn T1 đi Taxi đến xã la R gặp V và C. Sau đó cả 04 người đến khu vực làng Jrang Krăi 1, T đi vào trong làng dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81B 1-864.55 của anh S và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81B 1-653.48 của anh K để ở sân nhà gần đấy. Sau đó cả nhóm đem 02 xe về P. Hôm sau, Nguyễn Văn T1 và C đem hai xe này lên khu vực Đ bán cho một người tên H (không rõ họ, địa chỉ) tại chợ M thuộc xã D được 6.000.000 đồng về đưa cho Đỗ Văn T để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81B 1-864.55 trị giá 14.000.000 đồng, xe mô tô biển số 81 p 1 -653.48 trị giá 12.000.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 22h ngày 13/8/2017, Đỗ Văn T dùng xe máy chớ Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thành C lên huyện C tìm kiếm xe để trộm cắp. Khi

đến khu vực làng R - thị trấn P, Đỗ Văn T vào trong làng và sử dụng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81X1- 018.30 của ông H rồi đem về P. Sáng hôm sau, Nguyễn Thành C đem xe này lên huyện Đ bán cho người tên H (không rõ họ, địa chỉ) được 4.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81X1-018.30 trị giá 9.052.500 đồng.

Vụ thứ sáu: Ngày 13/9/2017, Đỗ Văn T và Nguyễn Minh V từ Đà Nang về P - Gia Lai bằng xe khách. Khi đến đến xã IK - huyện C - tỉnh Gia Lai, T và V xuống xe sau đó T gọi điện gọi cho Nguyễn Thành C từ P lên mục đích tìm kiếm xe để trộm cắp. Khoảng 22 giờ cùng ngày, C đón xe khách lên xã IK gặp T và V. Sau đó cả 3 đi đến khu vực nhà bảo vệ của Nông trường cao su P (tại làng Pôk - xã IK). T sử dụng vạm phá khóa lấy trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81B 1-689.81 của anh Rơ Châm V để ở nhà bảo vệ rồi tất cả quay về P. Ngày hôm sau, V đem xe trộm cắp nói trên đến thành phố Kon Turn - tỉnh Kon Turn bán cho một người tên gọi T Đen (không rõ họ địa chỉ) được 4.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T dùng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81B 1-689.81 trị giá 17.972.250 đồng.

Vụ thứ bảy: Ngày 19/09/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Minh V đón xe khách xuống thị xã An Khê thuê phòng nghỉ. Đến 23 giờ cùng ngày, Đỗ Văn T cùng cả nhóm đi taxi vào thị trấn K - huyện K. Sau đó cả nhóm đến khu vực làng Nghe Lớn - thị trấn K. Đỗ Văn T đi vào trong làng và dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81 KI-012.41 của anh Đinh M đang gửi tại nhà chị Đinh Thị K và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81 KI-017.13 của Đinh Văn J cùng trong làng. Ngày hôm sau, V và M đem 02 xe này lên tại Kon Turn bán rồi đưa tiền cho Đỗ Văn T để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81K1-012.41 trị giá 9.452.500 đồng; xe mô tô biển số 81 KI-017.13 trị giá 12.773.333 đồng.

Vụ thứ tám: Khoảng 23h ngày 21/10/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M và Nguyễn Thành C đi xe taxi đến xã L - huyện M, sau đó cả ba đi bộ đến khu vực làng C. Đỗ Văn T và M vào làng dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81E1-114.25 của ông Đinh Y N và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81 El-061.81 ông Đinh L sau đó cả 3 mang xe

về P. Ngày hôm sau M mang 02 xe này đi tỉnh Bình Phước về bán cho một người không rõ tên, địa chỉ được 6.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng tiêu xài cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81 E1 - 061.41 trị giá 13.800.000 đồng; xe mô tô biển số 81E1- 114.25 trị giá 4.400.000 đồng.

Vụ thứ chín: Vào khoảng 23h ngày 23/10/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô loại 5 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm đến khu vực xã la Le - P tìm xe trộm cắp. Khi đến nơi, Đỗ Văn T và T2 đi bộ đến thôn K xã la Le rồi trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER biển số 81S1-112.71 của anh Rơ Mah P. Ngày hôm sau Nguyễn Văn T1 mang xe này đi bán cho một người không rõ họ tên địa chỉ ở khu Vực Cầu Bà Di thuộc thị xã An Nhơn - tỉnh Bình Định được 7.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81S1-112.71 trị giá 35.600.000 đồng.

Vụ thứ mười: Vào khoảng 22h ngày 25/10/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn M T2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn Minh V thuê xe ô tô 7 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm đến xe la o - huyện G để trộm cắp xe máy. Khi đến nơi, Đỗ Văn T đi bộ vào làng o và dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER biển số 81VI-010.22 của anh Rơ Lan T và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81VI-116.64 của anh Ksor D dựng ở trước nhà đưa ra cho C và M điều khiển về P. Ngày hôm sau V và C mang 02 xe trên lên huyện Ngọc Hồi - tỉnh Kon Tum bán cho người tên T Đen được 7.500.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện G kết luận:

Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81V1-116.64 trị giá 10.00.000 đồng; xe mô tô biển số 81V1-010.22 trị giá 20.00.000 đồng.

Vụ thứ mười một: Vào khoảng 20h ngày 28/10/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô 4 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm đến khu vực huyện K. Khi đến nơi, Đỗ Văn T đi vào trong làng dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER biển số 81 KI-036.27 của chị Đinh Thị A và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81K1 -051.90 anh Đinh N rồi đưa ra cho C và T2 chạy xe về P. Hôm sau, C và T2 đem xe lên khu vực Sê San 4 - huyện G bán cho một người không rõ tên, địa chỉ được 14 triệu đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả

nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện K luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số trị giá 38.624.861 đồng; xe mô tô số 81 KI-051.90 trị giá 23.113.333 đồng.

Vụ thứ mười hai: Vào khoảng 20h ngày 07/11/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô loại 4 chỗ ngồi do M điều khiển chở cả nhóm đến xã A - huyện IG. Khi đến nơi, Đỗ Văn T và T2 đi làng O dùng kim cọng lực cắt hàng rào vào trong nhà anh Ksor N dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER biển số 81B1- 852.58 của anh Ksor N rồi mang ra đưa cho C chạy về P. Ngày hôm sau M mang chiếc xe trên đi Bình Phước bán cho một người không rõ tên, địa chỉ được 8.500.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81B 1-852.58 trị giá 40.000.000 đồng.

Vụ thứ mười ba: Vào chiều ngày 14/11/2017, Đỗ Văn T nói Nguyễn Văn M thuê xe ô tô loại 5 chỗ chở T và T2 đến huyện Đ tìm nơi trộm cắp xe. Khi đến nơi, T thấy trong Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Đ có để nhiều xe mô tô, T nói M quay về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, M điều khiển xe ô tô đã 'thuê' chở Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T1, Đinh Văn H; Nguyễn Thành C và Nguyễn M T2 đến khu vực Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Đ. Khi đến nơi, Đỗ Văn T và T2 dùng kim cọng lực cắt lưới rào B40 của Trung tâm rồi đi vào dùng vạm phá khóa trộm cắp 03 xe mô tô gồm: xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81U 1-151.66 của chị Rơ Châm H, xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81 UI-079.64 của ông Rơ Lan C cho con là Rơ Lan H sử dụng đi học và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS chưa có biển số (số khung 261195, số máy: 092693) của chị Rơ Mah T (cho cháu Rơ Mah P mượn) đưa ra cho Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thành C và T2 điều khiển về P. Sáng ngày 15/11/2017, T2 gửi chiếc xe biển kiểm soát 81U1 -079.64 về tỉnh Đắk Lắk để tiêu thụ. Đến khoảng 20h ngày 15/11/2017, M, T2 và Nguyễn Văn T1 đem 02 (hai) xe trộm cắp còn lại vào huyện C - tỉnh Bình Phước để tiêu thụ. Trên đường đi thì bị Công an huyện H - tỉnh Bình Phước phát hiện nên cả 3 để lại xe và bỏ trốn. Công an huyện H đã tạm giữ 02 xe máy trên cùng 01 ba lô trên xe, bên trong có 01 vạm phá khóa, 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn G và 02 bộ quần áo và 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn M T2, sổ tài sản trên, Công an huyện H đã bàn giao lại Công an huyện Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại 02 xe cho bị hại là Rơ Mah T và Rơ Châm H.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Đ Kết luận:

Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81U1- 151.66 trị giá 21.042.500 đồng; xe mô tô chưa có biển số (số khung 261195, số máy: 092693) trị giá 26.775.900 đồng; xe mô tô biển số 81 UI-079.64 trị giá 12.600.000 đồng.

Vụ thứ mười bốn: Vào khoảng 20h ngày 20/11/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô loại 4 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm đến xã A - huyện G. Khi đến nơi, Đỗ Văn T đi bộ vào làng C trộm cắp xe mô tô hiệu YAMAHA EXCITER biển số 81B2- 139.38 của anh Ksor P để trước sân nhà rồi mang ra đưa cho C chạy về P. Ngày hôm sau đó M mang xe đi Bình Phước bán cho một người không rõ tên, địa chỉ được 9.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện IG kết luận:

Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81B2-139.38 trị giá: 48.000.000 đồng.

Vụ thứ mười lăm: Vào khoảng 20h ngày 23/11/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô loại 4 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm đến khu vực Trường PTDT nội trú huyện Ia Pa. Đỗ Văn T trèo tường đi vào Phòng bảo vệ lấy chìa khóa mở cổng trường rồi cùng T2 đến nhà xe dùng Vam phá khoá trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81T1- 068.02 của anh Rmah Sa C và xe mô tô hiệu WARE biển số 81D1- 05748 của anh Văn Đức H rồi T2 và C đem 02 xe về P. Ngày hôm sau Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M mang xe 81 TI - 068.02 bán tại huyện H - tỉnh Đồng Nai được 7.000.000 đồng và mang xe 81D1-05748 bán tại thị xã Đ - tỉnh Bình Phước được 8.000.000 đồng, số tiền này M đưa cho Đỗ Văn T dùng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện Ia Pa kết luận: tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81T1 - 068.02 trị giá 8.300.000 đồng; xe mô tô biển số 81 DI-05748 trị giá 8.500.000 đồng.

Vụ thứ mười sáu: Vào khoảng 20h ngày 27/11/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M, Nguyễn M T2, Nguyễn Thành C, Đinh Văn H thuê xe ô tô loại 04 chỗ ngồi do M điều khiển chở cả nhóm huyện P tìm xe để trộm cắp. Khi đến Trung tâm y tế huyện, Đỗ Văn T dùng Vam phá khoá trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81S1-021.12 của anh Rmah P đưa cho C chạy về P. Sau đó M và số tên còn lại quay về, khi đi ngang UBND xã IH, Đỗ Văn T thấy có nhiều xe máy nên T và T2 đi vào dùng vạm phá khoá trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81S1 -087.26 Vũ Thế N và xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81 SI -039.38 của anh Kpă L rồi đưa cho Nguyễn Văn T1 và Đinh Văn H chạy về P. Ngày hôm sau Nguyễn Văn T1 cùng Nguyễn

Thành C, Đinh Văn H mang 03 xe trộm được lên huyện N - tỉnh Kon Tum đưa cho Nguyễn Minh V bán 03 xe này) được 9.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm mất, xe mô tô biển số 81S1-039.38 trị giá là 10.700.000 đồng; xe mô tô biển số 81S1-021.12 trị giá là 7.400.000 đồng; xe mô tô biển số 81 S1-087.26 trị giá là 12.950.000 đồng.

Vụ thứ mười bảy: Tối ngày 29/11/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1, Đinh Văn H, Nguyễn M T2 thuê xe ô tô loại 05 chỗ do M điều khiển chở cả nhóm xuống huyện Đ tìm xe trộm cắp. Khi đi ngang UBND xã K, Đỗ Văn T phát hiện trong khuôn viên UBND xã để nhiều xe máy nên T xuống xe đi bộ vào trong khuôn viên UBND xã và đến phía sau phòng làm việc của Công an xã dùng vạm phá khóa trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81B1-845.96 đưa cho Nguyễn Văn T1 nhỏ điều khiển về P. Ngày hôm sau, Nguyễn Văn T1 đưa xe này đến khu vực gần cầu Bà Di thuộc thị xã An Nhơn - tỉnh Bình Định bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 7.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng tiêu xài chung cho cả nhóm. Xe mô tô biển số 81B 1-845.96 là của anh T ở làng H - xã K, do anh T điều khiển xe vi phạm luật giao thông nên bị Tổ tự quản giữ xe đưa về Công an xã K lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định tạm giữ xe ngày 28/11/2017.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm mất, xe mô tô biển số 81B 1-845.96 trị giá 33.600.000 đồng.

Vụ thứ mười tám: Vào tối ngày 14/12/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn M T2, Nguyễn Văn T1, Đinh Văn H thuê xe ô tô loại 04 do M điều khiển chở cả nhóm đến xã IL - huyện P để tìm xe trộm cắp. Đỗ Văn T đi bộ vào UBND xã la Le dùng vạm phá khóa trộm xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81S1-087.26 của anh Nguyễn Ngọc P đưa cho Đinh Văn H điều khiển về P. Ngày hôm sau Nguyễn Văn T1 đưa xe đi bán cho một người không rõ nhân thân tại khu vực gần cầu Bà Di thuộc thị xã A - tỉnh Bình Định được 4.000.000 đồng đưa cho Đỗ Văn T sử dụng để tiêu xài chung cho cả nhóm.

Qua định giá tài sản, HĐĐGTS trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tại thời điểm bị mất, xe mô tô biển số 81S 1-087.26 trị giá 20.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn M, ngoài các lần cùng đồng phạm trộm cắp nêu trên, trước đó vào ngày 23/11/2016, Nguyễn Văn M cùng Nguyễn Ngọc M (trú tại: Thôn H, xã la Giai, huyện C) đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 81P 1-023.01 của anh Rah Lan Q tại làng Del - xã la Giai - huyện C có giá trị 13.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp, M đem lên P thể

chấp cho một người tên V (không rõ họ, địa chỉ ở xã Is Sao, huyện G) được 2.500.000 đồng số tiền này M sử dụng để tiêu xài cá nhân. Sau khi phạm tội, M đã bỏ trốn nên bị Cơ quan CSĐT Công an huyện C khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã. Còn Nguyễn Ngọc Mạnh đã được điều tra truy tố và Tòa án nhân dân huyện Chư Sô xử phạt 10 tháng tù theo bản án số 33/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Đến ngày 20/12/2017, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn T1, Đinh Văn H bị bắt khẩn cấp, Nguyễn Văn M bị bắt theo Quyết định truy nã. Ngày 21/12/2017, Nguyễn Thành C đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai đầu thú. Trong quá trình điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P3, ngày 14/02/2019, Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo như sau:

Bị cáo Đỗ Văn T bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thành C bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Đinh Văn H, Nguyễn Minh V bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thành C, Nguyễn Minh V, Đinh Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Đối với bị cáo Đỗ Văn T: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h, o khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2017.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn M: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 13 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 19/6/2018.

- Đối với Nguyễn Thành C: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến ngày 19/6/2018.

- Đối với bị cáo Nguyễn Minh V: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 bị cáo Nguyễn Minh V, Đỗ Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn T rút kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn T. Bị cáo Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa do đang uống thuốc điều trị bệnh, xét thấy lý do hoãn phiên tòa không có căn cứ nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chuyên nghiệp, có tổ chức gây hoang mang trong đời sống xã hội, giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thành C và Nguyễn Minh V đều thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017, Đỗ Văn T và bị cáo khác đã cùng nhau lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, đột nhập vào các Cơ quan nhà nước, hộ gia đình thực hiện 18 lần trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 31 xe mô tô trên địa bàn các huyện, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai; tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp có trị giá 534.767.177 đồng.

Với hành vi phạm tội và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C và Nguyễn Minh V “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang đối với nhiều hộ dân trên địa bàn, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự; trong thời gian ngắn nhưng thực hiện nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, số tài sản chiếm đoạt có giá trị rất lớn. Mặt khác, một số bị cáo có nhân thân không tốt, nhiều lần bị xét xử, kết án về tội liên quan đến chiếm hữu tài sản; lần phạm tội này, hành vi phạm tội của các bị cáo phạm vào nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy:

Mặc dù sau khi phạm tội các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Nguyễn Minh V và Nguyễn Thành C sau khi phạm tội đã ra đầu thú; còn Đỗ Văn T và Nguyễn Minh V tự nguyện dùng số tiền bị thu giữ để thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tương ứng. Tuy nhiên, trong vụ án này, các bị cáo có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ thành một nhóm, phân công nhiệm vụ của từng bị cáo, mục đích chiếm đoạt tài sản là để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày trong cuộc sống, nên hành vi phạm tội của các bị cáo đều phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhưng xét vai trò, tính chất mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo có khác nhau, cụ thể:

- Nguyễn Văn M tham gia 12 lần, tổng tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt có giá trị 426.692.427 đồng nên phạm vào điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, năm 2012 bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2016 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bỏ trốn, trong thời gian trốn truy nã bị cáo tiếp tục thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản trong vụ án này, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” nên đã phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên phạt bị cáo 13 năm tù là tương xứng; không nặng.

- Nguyễn Thành C tham gia 12 lần, tổng tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt có giá trị 377.017.117 đồng nên phạm vào điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên phạt bị cáo 11 năm tù là thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Nguyễn Minh V tham gia 06 lần, tổng tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt có giá trị 142.208.083 đồng nên phạm vào điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, mặt khác hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, tuyên phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp, mức hình phạt trên là không nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có tình tiết giảm nhẹ mới, mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho các bị cáo, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348; Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Đỗ Văn T.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C và Nguyễn Minh V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 15(mười lăm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 13

(mười ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 19/6/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 11(mười một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 19/6/2018.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1, khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2019.

2. Mỗi bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Thành C và Nguyễn Minh V phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai ;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn